TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 -4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Sơn Thanh Huyền.**
2. Ông **Nguyễn Văn Móm Em.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** – sinh năm: 1974 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn D** - sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2017 tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống riêng tự lập, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 26 năm đến tháng 10 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D đánh bài nhiều lần rồi gây nợ nần, khi nhậu về kiếm chuyện chửi vợ con. Chị có khuyên anh D nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 29/01/1992 và cháu Trần Thị Bích H, sinh ngày 28/02/1995. Cháu S và cháu H đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ý kiến ngày 12/3/2018 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian sống chung và tổ chức lễ cưới, anh chị tổ chức lễ cưới vào năm 1992 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị T thì không như chị T trình bày, chị T cho rằng anh thường xuyên đánh bài là không đúng anh chỉ lâu lâu mới có đánh bài, mà nợ nần là do nợ nần làm ăn chứ không phải nợ nần do đánh bài, anh thừa nhận khi anh nhậu về anh có chửi vợ con vì lúc đó anh nóng quá. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì hết, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 29/01/1992 và cháu Trần Thị Bích H, sinh ngày 28/02/1995. Cháu S và cháu H đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 22/12/2017, Giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Đơn xin xác nhận; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do chị T và anh D không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc được 26 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T trình bày là do anh D thường hay cờ bạc, rượu chè chửi bới chị. Chị T và anh D không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Anh chị sống chung với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị T và anh D không có giá trị pháp lý không công nhận chị T anh D là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 29/01/1992 và cháu Trần Thị Bích H, sinh ngày 28/02/1995. Cháu S và cháu H đã thành niên, chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 29/01/1992 và cháu Trần Thị Bích H, sinh ngày 28/02/1995. Cháu S và cháu H đã thành niên nên chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0008655, ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2018), để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tân Quới Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh